

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Đào Bá Sơn**.  
*Các thẩm phán:* Ông **Lê Thanh Bình**.  
Ông **Nguyễn Thái Sơn**.  
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Đức Lợi** – Thư ký toà án nhân dân thành phố Hà Nội.  
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*  
Ông **Lưu Mạnh Hoan** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 879/2018/HSPT ngày 17 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Hoàng Văn H và Đỗ Ngọc V do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 221/2018/HSST ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội:

**- Các bị cáo kháng cáo:**

**1. HOÀNG VĂN H – sinh ngày 19/9/2000** (tính đến ngày phạm tội là 17 tuổi 11 ngày); Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xã TD, huyện BY, tỉnh LC; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn T1 và bà: Trần Thị H1; Tiền án tiền sự: không.

Bắt khẩn cấp ngày 02/10/2017 tạm giữ đến ngày 11/10/2017, Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. ĐỖ NGỌC V – sinh ngày 16/9/2000** (tính đến ngày phạm tội là 17 tuổi 14 ngày); Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu 10, xã TX, huyện CK, tỉnh PT; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đỗ Văn T2 (đã chết) và bà: Hoàng Thị N1; tiền án tiền sự: không.

Bắt khẩn cấp ngày 02/10/2017 tạm giữ đến ngày 11/10/2017, Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Bị cáo không kháng cáo:**

**TRẦN TRỌNG D- sinh năm 1989**; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn TC, xã GP, huyện BT, tỉnh LC; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Thế V và bà: Nguyễn Thị T; Vợ là Đỗ Thị H2 và 01 con sinh năm 2017; Danh chỉ bản số 000322 lập ngày 05/10/2017 của Công an quận Cầu Giấy thì bị cáo không có tiền án tiền sự.

Bắt khẩn cấp ngày 02/10/2017. Hiện đang tạm giam tại Trại giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội, vắng mặt.

- **Người bị hại:** anh **Vi Đức T** - sinh năm: 1998 – có mặt.

ĐKHKT: Khu 5, xã ĐT, huyện TB, tỉnh PT. Chỗ ở hiện nay: Sư đoàn 355 ngõ 355 đường TP, thành phố YB, tỉnh YB, có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Ngọc V:**

**Bà ĐT Mai A và bà Trần Thị Ng** –Luật sư Công ty ĐT và Cộng sự - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2017 anh Vi Đức T cùng Trần Trọng D, Trần Anh T và đối tượng V1 (không xác định được lai lịch) cùng nhau đánh bạc dưới hình thức chơi liêng, quá trình đánh bạc anh Vi Đức T có vay của Trần Trọng D 15.000.000 đồng. Do nhiều lần hẹn nhưng không trả nên ngày 29/9/2017 D gọi điện cho Nguyễn Thị Kim L hỏi xem L có biết anh T ở đâu hay không nhưng L không biết. Đến khoảng 18 giờ ngày 30/9/2017 L biết anh T lên nhà bố mẹ nuôi tại đường LLQ nên đã gọi thông báo cho D. D liền điều khiển xe Vespa LX có BKS: 29T1-207.09 đi lên LLQ. Rồi D gọi điện thoại cho Hoàng Văn H bảo “cả ba đưa lên đây với anh, anh tìm thấy thằng nợ anh đây rồi” (tức là bảo H, Đỗ Ngọc V và Nguyễn Nam S đi cùng lên LLQ gặp D. H bảo lại với S và V là anh D gọi lên chỗ anh D, S có hỏi là đi đâu làm gì thì H bảo là “LLQ”. Sau đó, H đi lên tầng 2 lấy 01 chiếc gậy ba khúc và bảo S và V lên chiếc xe Wave có BKS: 30N4-0332 đi đến gặp D tại ngõ 472 LLQ. Tại đây, D bảo S, V, H là “cái th2 nó nợ tiền anh ở trên này, chờ lát bạn anh đến”. D, S, H, V gặp nhau được khoảng 10 phút thì Kim L đến dẫn cả nhóm chỉ nhà bố mẹ nuôi anh T ở đầu ngõ đi vào công viên nước. Khi thấy nhóm của anh D, anh T bỏ chạy khoảng 30m thì vấp ngã nên H đuổi kịp được anh T, H dùng tay nắm hai cái vào mặt anh T. Lúc này D, S, V cũng phi xe máy đuổi theo đến. D dùng tay phải tát vào má anh T rồi túm cổ áo kéo anh T lên xe, S dùng tay nắm hai cái vào mặt của anh T, V cũng dùng tay chân đánh vào người anh T. Lúc này bảo vệ của nhà hàng Sen ra can ngăn, D bảo S cho nó ra ngoài, S liền dùng tay phải nắm vào tay phải anh T, tay trái túm vào cổ áo anh T cùng D kéo anh T ra ngoài đường, đi được một đoạn thì H cùng vào giữ anh T còn V đi đằng sau. Khi ra bên ngoài, H rút côn ba khúc định đánh anh T thì D bảo cất đi nên H liền cất vào Túi quần. D bảo anh T lên xe Vespa LX do H cầm lái còn D ngồi đằng sau giữ anh T. S chở V bằng xe Wave đi sau. D bảo tất cả đi về nhà nghỉ Green Villa tại số 40 ngõ 1 NTĐ, phường TH, quận C, Hà Nội. Khi đến nhà nghỉ, D bảo S về nhà tại số 78C ngõ 198 NNV, phường TH, quận C, Hà Nội để nấu cơm nên S đi về. D gặp lễ tân thuê phòng 303 rồi cùng V và H đưa anh T lên phòng. Tại đây, D dùng tay chân đánh liên tục vào mặt, người anh T. H và V cũng lao vào dùng tay chân đánh vào đầu, người anh T. Anh T khóc van xin thì D bảo H cầm điện thoại quay video lại, khi H bắt đầu quay thì D và V lại lao vào dùng tay chân đánh anh T tiếp. Sau đó D chửi anh T rồi lao vào túm tóc, chỉ tay vào mặt anh T và nói “mày phải trả tiền tao số tiền 15.000.000 đồng”. anh T bảo D “em không có

tiền”. D liền dùng tay tát vào mặt anh T hai cái rồi bảo “mày phải viết giấy nợ cho tao” thì anh T sợ quá và đồng ý viết giấy nợ cho D. D bảo H gọi cho S bảo S cầm giấy bút ra. S không biết lấy giấy bút ở đâu nên có hỏi Đỗ Thị H2 là vợ của D. H2 gọi cho D hỏi xem lấy giấy tờ ở đâu thì D bảo lấy quyển sổ màu trắng. Sau đó D đưa tiền cho V đi mua giấy bút và gọi H2 bảo S không phải ra nữa. V đi mua giấy bút về, D đưa cho anh T chiếc bút và quyển vở bắt T phải ghi giấy nhận nợ theo lời D đọc với số tiền 15.000.000 đồng và cam kết sau 10 ngày sẽ trả nợ. Sau đó D bắt T đưa chứng minh thư nhân dân để làm tin. Viết giấy nợ xong thì D cho anh T về, cả ba bỏ đi. Sau đó anh T đến cơ quan Công an để trình báo.

Cơ quan điều tra kiểm tra phòng trọ của D tại số 78C ngõ 198 NNV, phường TH, quận C đã thu giữ: 01 giấy tờ nhận nợ 15.000.000 đồng do anh Vi Đức T viết; CMTND mang tên anh T, 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu đen số sim 0964082222, 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng số Imei 135494061333766 (kiểm tra điện thoại phát hiện 02 video về việc D, H, V đánh bắt anh T nhận nợ). 01 xe máy Vespa LX BKS 29T1-207.09

Thu giữ của H: 01 điện thoại Nokia 105 màu đen số sim 0965886144; 01 chiếc gậy ba khúc bằng kim loại dài khoảng 60 cm.

Thu giữ của V: 01 điện thoại Iphone 5 màu vàng số sim 01642408223 (kiểm tra phát hiện 01 video liên quan đến vụ án).

Thu giữ của S: 01 xe máy Honda Wave S 110 màu đen bạc, BKS: 30N4-0332; 01 điện thoại Nokia 105 màu đen số sim 0971113214.

Tại cơ quan công an, D, H và V khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu. Lời khai của các bị can phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng và các tài liệu điều tra khác.

Đối với Nguyễn Nam S được Hoàng Văn H rủ lên LLQ, nhưng giữa D, H, S, V không có bàn bạc từ trước, khi đuổi đánh anh T tại khu vực nhà hàng Sen thì không ai có lời nói hành động đòi tiền nợ T. Việc H gọi cho S để bảo mang giấy bút ra cho D, H không nói rõ cho S biết việc mang giấy bút để làm gì. Do vậy, không đủ căn cứ để xử lý hình sự S với vai trò đồng phạm giúp sức về tội Cướp tài sản. Tuy nhiên, S có hành vi dùng tay đâm vào đầu anh T, anh T từ chối giám định thương tích nên không có căn cứ xử lý về hành vi Cố ý gây thương tích. Cơ quan điều tra đã xử phạt hành chính đối với S theo Nghị định 167/NĐ-CP về hành vi xâm hại đến sức khỏe người khác.

Về số tiền vay nợ 15.000.000 đồng, tại Cơ quan điều tra anh Vi Đức T và Trần Trọng D đều khai khoảng tháng 7/2017 anh T cùng D, Trần Anh T và đối tượng V1 (không xác định được lai lịch) cùng nhau đánh bạc dưới hình thức chơi liêng, quá trình đánh bạc anh T có vay D 15.000.000 đồng. Cơ quan điều tra triệu tập Trần Anh T đã khai nhận việc đánh bạc cùng D và anh Vi Đức T. Qua điều tra các đối tượng tương tự khai nhận việc đánh bạc dưới hình thức chơi liêng, nhưng không nhớ cụ thể thời gian, địa điểm và số tiền dùng để đánh bạc như thế nào, ngoài lời khai của các đối tượng không có chứng cứ nào khác để xem xét xử lý hình sự. Do vậy, cơ quan điều tra quyết định xử phạt hành chính đối với Trần Trọng D, Vi Đức T, Trần Anh T theo Nghị định 167/NĐ-CP.

Về dân sự: Gia đình bị can Trần Trọng D đã bồi thường cho anh Vi Đức T 5.000.000 đồng để khám và mua thuốc điều trị, anh Vi Đức T không yêu cầu các bị can phải bồi thường gì về dân sự.

Đối với chiếc xe máy Vespa LX BKS 29T1-207.09 đăng ký mang tên anh Nguyễn Văn N (sinh năm 1977; HKTT: Tổ 7 phường YN, quận HĐ, Hà Nội). Ngày 16/3/2014 anh N đã bán chiếc xe trên cho chị Đỗ Thị L1 (sinh năm 1995; HKTT: xã TX, huyện CK, tỉnh PT, là em vợ D). Chị L1 cho D mượn không biết D đã vi phạm pháp luật. Vì vậy, cơ quan điều tra đã trao trả chiếc xe trên cho chị L1 nhận lại và không có đề nghị gì.

Chiếc xe máy Honda Wave S110 BKS 30N4-0332 đăng ký mang tên chị Lã Thị N1 (sinh năm 1960, HKTT: 60 ĐCV, phường LĐH, quận HBT, Hà Nội). Ngày 22/10/2016 chị N1 đã bán chiếc xe trên cho chị Đỗ Thị H2 (là vợ D). Chị H2 cho S mượn không biết S sử dụng để vi phạm pháp luật. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã trao trả chiếc xe trên cho chị H2 nhận lại tài sản và không có đề nghị gì.

Cáo trạng số 208/CT - VKS ngày 05/9/2018 của VKSND quận CG truy tố Trần Trọng D, Hoàng Văn H, Đỗ Ngọc V về tội C- ớp tài sản theo Khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là Khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bản án hình sự sơ thẩm số 221/2018/HSST ngày 19/10/2018 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội.

- Áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 ( nay là Khoản 1 Điều 168, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015).

**Xử phạt: Trần Trọng D 48 ( bốn mươi tám) tháng tù.**

- Áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 ( nay là Khoản 1 Điều 168, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015).

**Xử phạt: Hoàng Văn H 36 (ba mươi sáu) tháng tù.**

Áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 ( nay là Khoản 1 Điều 168, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015).

**Xử phạt: Đỗ Ngọc V 36 ( ba mươi sáu) tháng tù.**

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn giải quyết về vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018 bị cáo Đỗ Ngọc V và Hoàng Văn H kháng cáo đề nghị xin giảm hình phạt.

Bị cáo Trần Trọng D không kháng cáo.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bị cáo Hoàng Văn H và Đỗ Ngọc V khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do bị cáo lần đầu phạm tội, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, gia đình bị cáo H có ông nội tham gia kháng chiến chống pháp và hiện là thương binh; bị cáo V có ông nội là Đỗ Văn V2 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3.

**Người bị hại:** anh Vi Đức T khai nhận nội dung như bản án sơ thẩm đã xét xử, hành vi của các bị cáo cũng có một phần lỗi từ phía mình do hứa trả tiền cho bị cáo D nhưng chưa trả được gây bức xúc cho D. Sau khi sự việc xảy ra gia đình bị cáo D, V, H đã bồi thường cho bị cáo tổng số tiền là 15.000.000 đồng mặc dù tại cơ quan điều tra tôi chỉ yêu cầu bồi thường 3.000.000 đồng do thương tích chỉ là xây xước nhẹ. Tại phiên tòa hôm nay không yêu cầu gì khác và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:** Sau khi phân tích hành vi phạm tội của từng bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức độ của hành vi, thái độ thành khẩn và tài liệu các bị cáo xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm như: bị cáo H có xuất trình tài liệu ông nội tham gia kháng chiến chống pháp và hiện là thương binh; bị cáo V có ông nội là Đỗ Văn V2 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3 là các tình tiết mới và đề nghị xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo với mức án: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H mức án tù 24-30 tháng tù; bị cáo Đỗ Ngọc V mức án tù 24-30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

**Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Ngọc V:** Đồng ý với tội danh và điều luật như bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đỗ Ngọc V, chỉ phân tích nhân thân bị cáo chưa tiền án, tiền sự; khai báo thành khẩn; hoàn cảnh phạm tội của bị cáo có một phần lỗi của người bị hại, sau khi sự việc xảy ra đã bồi thường cho người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, ngoài ra bị cáo sống vùng sâu, trình độ lạc hậu để xem quyết định hình phạt đối với Đỗ Ngọc V như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

**[1] Về hình thức:** Đơn kháng cáo của các bị cáo phù hợp với các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**[2] Về nội dung:** Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, cơ quan điều tra phù hợp lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng phù hợp với vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo xuất phát từ việc người bị hại anh Vi Đức T nợ tiền Trần Trung D 15.000.000 đồng không có khả năng trả vì vậy anh T phải tạm thời lánh mặt ở nhà bố mẹ nuôi ở đường LLQ. Khoảng 18 giờ ngày 30/9/2017 khi phát hiện anh T đang ở đường LLQ, Trần Trọng D đã gọi đã gọi điện cho em vợ là Đỗ Ngọc V cùng Hoàng Văn H và Nguyễn Nam S khi đó đang ở ngõ 972 đường LLQ nội dung : “cả 03 đưa lên đây, anh tìm thấy thằng nợ đây rồi” cả ba cùng hiểu là lên chỗ D để xử lý việc đòi nợ cho D. Khi gặp anh T cả 04 người xông vào đánh anh T bằng tay không. Sau đó D túm cổ áo T cùng với H kéo T ra ngoài đường và yêu cầu T lên xe máy Vespa LX do H cầm lái, D ngồi áp phía sau đưa anh T về nhà nghỉ Green villa số 40 ngõ 1 NTĐ. Tại phòng 303 nhà nghỉ trên D, H, V tiếp tục dùng tay không đánh anh T và ép ghi giấy nợ 15.000.000 đồng, đúng như số tiền T vay của D.

Với nội dung trên Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội cướp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên hành vi bắt anh T lên xe ép về phòng 303 khách sạn Green villa đã cấu thành một tội phạm khác, nhưng cơ quan điều tra không đề cập đến là thiếu sót. Do mức án cấp sơ thẩm tuyên đã nghiêm khắc đủ tác dụng giáo dục, dẫn đến nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không cần thiết phải xác định thêm về tội danh đối với Trần Trọng D và Hoàng Văn H. Những thiếu sót trên các cơ quan tiến hành tố tụng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của Hoàng Văn H và Đỗ Ngọc V. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo đều sinh ra và lớn lên ở các tỉnh miền núi phía Bắc về Hà Nội làm thuê. Đỗ Ngọc V về ở với chị gái mình là Đỗ Thị H2 và anh rể là Trần Trọng D (bị cáo trong vụ án) mới được 03 ngày. Các bị cáo phạm tội trong độ tuổi vị thành niên khả năng nhận thức về hành vi nguy hiểm cho xã hội còn hạn chế, Nhân thân chưa có tiền án tiền sự, vai trò đều là động phạm giúp sức. Sau khi hành vi phạm tội xảy ra chị Đỗ Thị H2 là vợ bị cáo D đồng thời là chị gái của Đỗ Ngọc V đã thay mặt gia đình bồi thường thỏa đáng cho người bị hại tổng số 15.000.000 đồng (mỗi bị cáo 5.000.000 đồng). Toà án cấp sơ thẩm không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo là thiếu sót.

Xét vai trò của Đỗ Ngọc V là thấp nhất, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b khoản 1; khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Do vậy không cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn mà cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Bị cáo Hoàng Văn H thực hiện hành vi quyết liệt hơn khi đi có mang theo hung khí và trực tiếp áp tải người bị hại về nhà nghỉ nhưng bị cáo cũng chỉ là vai trò động phạm giúp sức, bị cáo là vị thành niên, có 02 tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Do vậy có thể áp dụng Điều 54 xử dưới khung hình phạt cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo.

Đối với Trần Trọng D vai trò đầu vụ, xong bị cáo cũng có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Mặc dù bị cáo không kháng cáo. Xong cấp phúc thẩm thấy cần điều chỉnh mức án cho phù hợp với tính chất mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

***Căn cứ Điều 345; điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.***

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn H và Đỗ Ngọc V, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 221/2018/HSST ngày 19/10/2018 của Toà án nhân dân quận C.

Tuyên bố bị cáo Trần Trọng D; Hoàng Văn H và Đỗ Ngọc V phạm tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự.

**Xử phạt Trần Trọng D: 36 tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/10/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015.

**Xử phạt Hoàng Văn H: 24 tháng tù**, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/10/2017 đến ngày 11/10/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

**Xử phạt Đỗ Ngọc V: 24 tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **48 tháng** kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Ngọc V cho Ủy ban nhân dân xã TX, huyện CK, tỉnh PT giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TA; VKS, CA, Chi cục THA Q. C;
- TATC; VKSHN; PC 27 CAHN;
- Bị cáo;
- Lưu trữ, Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Bá Sơn**